

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12-12-2019
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Ánh Duyên

2. Ông Nguyễn Văn Trò

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

-Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê- tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 193/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/7/2019 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXX-ST ngày 14/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M-** sinh năm 1992; nơi cư trú: Khu 09, xã N, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Quang V-** sinh năm 1987 (Tên gọi khác: Nguyễn Văn V); nơi cư trú: Khu 09, xã N, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Phú Thọ- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn X - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C. Vắng mặt, nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Quang V tự nguyện kết hôn với nhau ngày 07/9/2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở riêng tại xã N và làm ruộng. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau về quan điểm sống, dẫn tới vợ chồng thường xảy ra tranh cãi bất hòa. Anh V không chịu khó lao động, ham chơi, không quan tâm tới vợ, con và nhiều lần đánh, đuổi chị. Từ khoảng giữa năm 2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh V.

Tại bản tự khai ngày 09/7/2019, bị đơn là anh Nguyễn Quang V trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân như chị Nguyễn Thị M trình bày là đúng. Theo anh V, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và do chị M có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, dẫn đến vợ chồng đánh cãi chửi nhau. Từ tháng 6/2019 đến nay, chị M về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân. Nay chị M yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý, vì anh không phải là người có lỗi dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng và anh còn thương con nên muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con chung.

Về con chung: Hai bên trình bày vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Kiều O- sinh ngày 13/6/2011 và Nguyễn Quỳnh T- sinh ngày 30/6/2015. Hiện nay cháu O và cháu T đang ở cùng chị M và bố mẹ đẻ chị M tại khu 09 xã N. Nếu ly hôn, chị M và anh V đều đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Hai bên đều trình bày có nợ phòng giao dịch C - Chi nhánh tỉnh Phú Thọ- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền 30.000.000đồng. Nếu ly hôn, hai bên đề nghị chia đôi, mỗi người trả nợ một nửa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Phú Thọ - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, do ông Nguyễn Văn X là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 19/5/2016, chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Quang V vay vốn tại Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Lãi suất theo hợp đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Nếu chị M, anh V ly hôn,

đề nghị anh, chị phải có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng đã ký với Phòng giao dịch.

Tại phiên tòa, các đương sự có quan điểm như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị M giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Anh V trình bày là nếu chị M cương quyết ly hôn, thì anh V cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công sức: Hai bên giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Hai bên thống nhất là nếu ly hôn, chị M có nghĩa vụ trả cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C nợ gốc là 30.000.000đồng và lãi theo hợp đồng. Anh V phải thanh toán chênh lệch nghĩa vụ trả nợ và hỗ trợ tạo dựng cuộc sống cho chị M số tiền 30.000.000đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, xác định:

- Về tổ tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn không có mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và không có mặt tại phiên tòa lần thứ nhất là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 và Khoản 1 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 của Bộ luật dân sự; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Quang V (Tên gọi khác: Nguyễn Văn V).

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Kiều O- sinh ngày 13/6/2011 và Nguyễn Quỳnh T- sinh ngày 30/6/2015 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Quang V không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị M không yêu cầu.

3. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam -Chi nhánh tỉnh Phú Thọ- Phòng giao dịch huyện C số tiền nợ gốc là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và lãi suất theo hợp đồng.

Anh Nguyễn Quang V có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch trả nợ và hỗ trợ tạo dựng cuộc sống mới cho chị Nguyễn Thị M 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Quang V đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ và lời trình bày của các đương sự cho thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh V ham chơi, không quan tâm đến gia đình vợ con và còn có hành vi bạo lực đối với chị M. Từ khoảng tháng 6/2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Trong quá trình giải quyết, mặc dù anh V không đồng ý ly hôn, nhưng nhiều lần Tòa án báo gọi để hòa giải thì anh V đều vắng mặt. Tại phiên tòa, anh V thừa nhận lý do xin đoàn tụ là thương con, chứ không phải vì còn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị M yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận. Việc anh V đề nghị được đoàn tụ là không có căn cứ chấp nhận.

[2]. Về con chung: Kết quả thu thập chứng cứ cho thấy, cháu O trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở cùng chị M, cháu T còn nhỏ tuổi, rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Chị M có công việc ổn định, thu nhập 9.000.000đ/ tháng, đã nuôi dưỡng 02 con chung kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay và được bố mẹ đẻ chị M hỗ trợ trông nom, chăm sóc con. Còn anh V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh anh có đủ điều kiện nuôi con hay không. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung, cần giao 02 con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị M không yêu cầu. Việc anh V đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, là không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức: Do các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Hồ sơ vay vốn do Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C cung cấp cho thấy chỉ có chị Nguyễn Thị M đứng

tên người vay và thực hiện việc trả lãi theo hợp đồng. Thỏa thuận giữa chị M và anh V về nghĩa vụ chung về tài sản như đã nêu trên không trái pháp luật, đạo đức xã hội và để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự, cần chấp nhận thỏa thuận giữa chị M và anh V là chị M có nghĩa vụ trả cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Cẩm Khê nợ gốc là 30.000.000 đồng và lãi theo hợp đồng. Anh V phải thanh toán chênh lệch nghĩa vụ trả nợ và hỗ trợ tạo dựng cuộc sống cho chị M số tiền 30.000.000 đồng.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 và Khoản 1 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 của Bộ luật dân sự; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Quang V (Tên gọi khác: Nguyễn Văn V).

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Nguyễn Thị Kiều O - sinh ngày 13/6/2011 và Nguyễn Quỳnh T - sinh ngày 30/6/2015 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Quang V không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị M không yêu cầu.

2.2. Anh Nguyễn Quang V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ chung về tài sản:

3.1. Chị Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Phú Thọ - Phòng giao dịch huyện C số tiền nợ gốc là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và lãi suất theo hợp đồng.

3.2. Anh Nguyễn Quang V có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch trả nợ và hỗ trợ tạo dựng cuộc sống cho chị Nguyễn Thị M 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền

được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003296, ngày 05/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho đương sự vắng mặt hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- UBND xã N;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Vũ Văn Thắng

